

Số: 01/CB-HV

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 03 năm 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG
THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Kính gửi:

- Sở Xây dựng thành phố Đà Nẵng
- Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án, tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát, nhà thầu thi công; các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng.

1. Thông tin về Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:

Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng: Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng và Kiểm định Hải Vân Đà Nẵng.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số : 0401842074 đăng ký lần đầu ngày 13 tháng 07 năm 2017, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 25 tháng 08 năm 2025. Cơ quan cấp: Sở tài chính thành Phố Đà Nẵng, phòng doanh nghiệp và đăng ký kinh doanh.

Địa chỉ: 155 Đường Đà Sơn, Phường Hòa Khánh, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Điện thoại: 0903567968

Email: Tvlasxd1730@gmail.com

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm vật liệu xây dựng, địa chất và kiểm định chất lượng công trình.

Địa chỉ phòng thí nghiệm: 155 Đường Đà Sơn, Phường Hòa Khánh, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

2. Thông tin về năng lực của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
I	XI MĂNG			
1	Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 13605:2023	Sàng, cân, bình tỷ trọng	Võ Đình Tấn Nguyễn Văn Chính Nguyễn Văn Tường Vũ
2	Xác định độ bền uốn và nén của xi măng	TCVN 6016:2011	Khuôn đúc mẫu, máy nén và uốn mẫu	
3	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015	Cân, Kim Vika, khuôn đúc	
4	Xác định độ nở sunphat	TCVN 6068:2020	Cân kỹ thuật, Ống đong 250ml, Đồng hồ bấm giây.	
II	BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG			
5	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022	Côn sụt, thước đo	Võ Đình Tấn Nguyễn Văn Chính Nguyễn Văn Tường Vũ
6	Xác định khối lượng thể tích của hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:2022	Thùng kim loại 5 lít hoặc 15 lít, thiết bị đầm, cân kỹ thuật, thước lá bằng thép	
7	Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109:2022	Khuôn thép 200x200x200mm, bàn rung tần số 2900±100 vòng/phút, thanh thép tròn đường kính 16mm, cân kỹ thuật, sàng 5mm, thước lá kim loại, tủ sấy, khay chứa	
8	Xác định hàm lượng bọt khí vữa bê tông	TCVN 3111:2022	Bình thử bọt khí, bàn rung tần số 2800±200 vòng/phút	
9	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:2022	Bình khối lượng riêng, cân kỹ thuật, búa con, cối chày đồng, bình hút ẩm, tủ sấy, nước lọc, dầu hỏa, sàng 2mm hoặc 2,5mm	
10	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022	Cân kỹ thuật, thùng ngâm mẫu, tủ sấy, khăn lau	
11	Xác định độ mài mòn	TCVN 3114:2022; ASTM C779		
12	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:2022	Cân kỹ thuật, thước lá kim loại, cân thủy tinh, bếp điện và thùng nấu Paraphin, tủ sấy	
13	Xác định độ chống thấm	TCVN 3116:2022	Máy thử độ chống thấm, bàn chải thép, Paraphin hoặc mỡ bi ô tô, tủ sấy, Giá ép mẫu	
14	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:2022	Máy nén bê tông 2000 KN	

15	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:2022	Máy kéo uốn 1000 KN	
16	Xác định giới hạn bền kéo dọc trục khi bứt	TCVN 3120:2022	Máy nén bê tông 2000 KN	
III THỬ CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA VÀ ĐÁ DẼM				
17	Thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2:2006	Bộ sàng tiêu chuẩn, cân, tủ sấy	<p style="text-align: center;">Võ Đình Tấn Nguyễn Văn Chính Nguyễn Văn Tường Vũ</p>
18	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006	Cân kỹ thuật, tủ sấy, bình dung tích bằng thủy tinh, thùng ngâm mẫu, khăn thấm nước, khay chứa	
19	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006	Cân kỹ thuật, cân thủy tĩnh, tủ sấy, thùng ngâm mẫu, khăn thấm nước, khay chứa, thước kẹp, bàn chải sắt	
20	Xác định khối lượng thể tích xốp và độ rỗng	TCVN 7572-6:2006	Thùng đong 1 lít, 2 lít, 5 lít, 10 lít và 20 lít, cân kỹ thuật, phễu chứa vật liệu, bộ sàng tiêu chuẩn, tủ sấy, thước lá kim loại, thanh gỗ	
21	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006	Hộp nhôm hay khay nhôm, cân kỹ thuật, tủ sấy, dụng cụ đảo mẫu	
22	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006	Cân kỹ thuật, tủ sấy, thùng rửa cốt liệu, đồng hồ bấm giây, tấm kính, que hoặc kim sắt nhỏ	
23	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006	Ống dung tích, cân kỹ thuật, bếp cách thủy, sàng, thang màu, thuốc thử	
24	Xác định cường độ và hệ số hóa mềm đá gốc	TCVN 7572-10:2006	Máy nén thủy lực, máy khoan và máy cưa đá, máy mài nước, thước kẹp, thùng ngâm	
25	Xác định độ nén đập và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006	Máy nén thủy lực, xi lanh, cân kỹ thuật, bộ sàng tiêu chuẩn, tủ sấy, thùng ngâm mẫu	
26	Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los Angeles)	TCVN 7572-12:2006	Máy Los Angeles, bi thép, cân kỹ thuật, bộ sàng tiêu chuẩn 37,5 mm; 25 mm; 19 mm; 12,5 mm; 9,5 mm; 6,3 mm; 4,75 mm; 2,36 mm và 1,7 mm, tủ sấy	
27	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006	Cân kỹ thuật, thước kẹp cải tiến, bộ sàng tiêu chuẩn, tủ sấy	
28	Xác định hàm lượng	TCVN 7572-16:2006	Cân kỹ thuật, cân	

	Sunfat, Sunfit trong cốt liệu nhỏ		phân tích, sàng, bình hút ẩm, tủ sấy, cốc nung, máy khuấy, bếp điện, lò nung, máy lắc, bình định mức, thuốc thử (chất chỉ thị bari clorua), metyl đỏ.
29	Xác định khả năng phản ứng kiềm - silic	TCVN 7572-14:2006; ASTM C1152-04a; C1218-1999; AASHTO T260-1997; JIS A 1154:2012	Cân kỹ thuật, Cân phân tích, Tủ sấy, Lò nung, Búa, cối chày, Sàng tiêu chuẩn, Bình phản ứng bằng thép, Bình điều nhiệt, Máy hút chân không, Bình lọc có nhánh hút chân không, Bếp cách thủy, bếp điện.
30	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hóa	TCVN 7572-17:2006	Cân kỹ thuật, tủ sấy, bộ sàng tiêu chuẩn, kim sắt và kim nhôm, búa con
31	Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18 : 2006	Cân kỹ thuật, kính lúp
32	Xác định hàm lượng Mica trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-20 : 2006	Cân phân tích, tủ sấy, bộ sàng tiêu chuẩn, giấy nhám, đĩa thủy tinh.
33	Xác định hàm lượng clorua	TCVN 7572-15 : 2006	Thiết bị và dụng cụ phân tích mẫu, Cân kỹ thuật, Cân phân tích, Tủ sấy, Dụng cụ thủy tinh, Giấy lọc định lượng không tro, Bếp điện, Tủ hút, Hoá chất.
34	Xác định hệ số ES	ASTM D2419 AAHSTO T176	Ổng hình trụ chia độ bằng nhựa, nút cao su, ống đong bằng thiếc, phễu rộng miệng, đồng hồ bấm giây, máy lắc cơ học, máy lắc thủ công, Dụng dịch thí nghiệm, thước thẳng, tủ sấy, tấm vải vuông.
IV THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT TRONG PHÒNG			
35	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012	Nước cất, dầu hỏa, cân kỹ thuật, bình tỷ trọng, cối sứ, chày sứ, rây 2mm, bếp cát, tủ sấy, bơm chân không, tỷ trọng kế, thiết bị ổn nhiệt, phễu nhỏ, cốc nhỏ
36	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012	Tủ sấy, cân kỹ thuật, bình hút ẩm, cốc nhỏ, rây 1mm, cối sứ, chày

			sứ	Võ Đình Tấn Hồ Văn Thanh Bình
37	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012	Đế gỗ, khuôn, mẫu đất, dụng cụ hình nón, quả cầu thăng bằng, tay cầm, vạch dấu, tấm kính nhám, rây 1mm, cối sứ và chày đầu bọc cao su, tủ sấy, dao, cân kỹ thuật và dụng cụ khác	
38	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2014	Bộ sàng tiêu chuẩn đất, tủ sấy, nhiệt kế, cối và chày sứ, khay đựng đất, nước sạch và các thiết bị khác	
39	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:1995	Máy cắt phẳng, dao vòng, tấm nền truyền lực	
40	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:2012	Hộp nén, bàn máy, bộ phân tải, thiết bị đo biến dạng	
41	Thí nghiệm đầm nén tiêu chuẩn	TCVN12790 :2020	Cối đầm, chày đầm, cân kỹ thuật, sàng, tủ sấy, hộp nhôm, dao gạt đất, khay trộn, búa cao su, bình đựng nước	
42	Xác định khối lượng thể tích (Dung trọng)	TCVN 4202:2012	Dao vòng, cân kỹ thuật, tấm kính, hộp nhôm, tủ sấy	
43	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR). Trong phòng thí nghiệm	TCVN12792 :2020	Cối đầm, chày đầm, thiết bị gia tải, vòng lực, đồng hồ biến dạng, cân kỹ thuật, sàng, tủ sấy, giấy lọc, hộp đựng ẩm, khay	
44	Thí nghiệm xác định các đặc trưng trương nở của đất	TCVN 8719:2012	Bàn và giá đỡ đồng hồ đo biến dạng nở, Hộp chứa nước, Pitstong đỡ chân đồng hồ đo biến dạng, có đục lỗ châm kim thoát khí, Đồng hồ đo biến dạng, Dao vòng, tủ sấy, cân, sàng...	
45	Xác định hệ số thấm K	TCVN8723:2012	Hộp thấm, ống mẫu thấm, cân, sàng, đồng hồ, dụng cụ chế tạo mẫu, chày cối...	
46	Xác định các chỉ tiêu của đất trên máy nén 3 trục (UU;CU;CD;CV)	TCVN 8868:11; ASTM D2850; ASTM D4767; ASTM D7181; JGS 0520-0524; AASHTO T296;AASHTO T234	Máy nén 3 trục	

47	Xác định đặc trưng cơ ngót của đất	TCVN 8720 :2012	Dao vòng, thước cặp, cân kỹ thuật, Parafin, đồng hồ, nước cất, dao cắt, đĩa, khay, tấm kính...	
48	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 8726: 2012	Cân kỹ thuật, bếp cách thủy, bình trụ 250ml, bảng màu, NaOH	
V THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU KIM LOẠI VÀ LIÊN KẾT HÀN				
49	Thử kéo	TCVN 197:2014	Máy thử kéo uốn vạn năng, thước kẹp, cân điện tử	Võ Đình Tấn Hồ Văn Thanh Bình
50	Thử uốn	TCVN 198:2008	Máy thử kéo uốn vạn năng, thước kẹp, cân điện tử	
51	Kiểm tra mối hàn, thử uốn	TCVN 5401:2010	Máy thử kéo uốn vạn năng	
52	Thử phá hủy mối hàn kim loại – thử kéo ngang	TCVN 8310:2010	Máy thử kéo uốn vạn năng, thước kẹp	
53	Thử phá hủy mối hàn kim loại – thử kéo dọc	TCVN 8311:2010	Máy thử kéo uốn vạn năng, thước kẹp	
54	Thử kéo bu lông, đai ốc, tăng đơ	ASTM A370	Máy thử kéo uốn vạn năng, thước kẹp	
55	Cáp thép thông dụng – PP phá hoại tải trọng thực tế	TCVN 6368: 1998	Máy thử kéo uốn vạn năng, bộ ngâm mẫu, thước, cân kỹ thuật...	
56	Thí nghiệm cơ lý nhôm: kích thước, ngoại quan, cường độ chịu kéo, độ dẫn dài	TCVN 12513: 2018	Máy thử kéo uốn vạn năng, bộ ngâm mẫu, thước	
VI THỬ NGHIỆM NHỰA ĐƯỜNG LÔNG				
57	Xác định nhiệt độ bắt lửa; Xác định hàm lượng nước; Thử nghiệm chứng cất	TCVN 8818:2011	Bình chưng cất, ống ngưng, nguồn nhiệt, ống thu	Võ Đình Tấn Nguyễn Văn Chinh Hồ Văn Thanh Bình
VII THỬ NGHIỆM NHỰA TƯƠNG NHỰA ĐƯỜNG AXÍT				
58	Xác định độ nhớt Saybolt Furol	TCVN 8817-2:2011	Nhớt kế Saybolt Furol, Phễu lọc, Nhiệt kế, Bể ổn nhiệt, Pi-pét, Bình đong, Bình thủy tinh hình trụ tròn, Đồng hồ bấm giây	Võ Đình Tấn Nguyễn Văn Chinh Hồ Văn Thanh Bình
59	Xác định độ lắng và độ ổn định lưu trữ	TCVN 8817-3:2011	Bình lưu mẫu, Pi pét, Cân, Cốc, Đũa khuấy, Tủ sấy	
60	Xác định lượng hạt quá cỡ (Thử nghiệm sàng)	TCVN 8817-4:2011	Sàng, Khay kim loại, Nhiệt kế, Cân, Tủ sấy, Bình hút ẩm, Chậu đựng nước, Cốc thủy tinh, Dung dịch chất hoạt động bề mặt, Nước cất	
61	Xác định điện tích hạt	TCVN 8817-5:2011	Nguồn điện một chiều 12V, Điện cực, Bộ phận cách điện, Cốc	

			thủy tinh, Thanh đờ, Bể ổn nhiệt, Nhiệt kế ASTM, Đồng hồ bấm giây, Nước cất và isopropyl.	
62	Xác định độ khử nhũ	TCVN 8817-6:2011	Lưới sàng tiêu chuẩn, Cốc kim loại, Đũa kim loại, Buret bằng thủy tinh, Cân, Tủ sấy, Thuốc thử,	
63	Xác định độ dính bám và tính chịu nước	TCVN 8817-8:2011	Chảo trộn, Dao trộn, Sàng, Hệ thống phun nước, Nhiệt kế, Cân, Pi-pét	
64	Thử nghiệm chung cát	TCVN 8817-9:2011	Nồi chung cát, Nguồn nhiệt, Hệ thống liên kết, Ống đong thủy tinh, Nhiệt kế, Cân, Các nút đệm, Ống cao su, Sàng,	
65	Thử nghiệm bay hơi	TCVN 8817-10:2011	Cốc thủy tinh, Đũa thủy tinh, Cân, Tủ sấy, Sàng tiêu chuẩn.	
66	Xác định khả năng trộn lẫn với nước	TCVN 8817-13:2011; ASTM D6999; AASHTO T59	Cốc thủy tinh, Ống đong, Nhiệt kế, Đũa thủy tinh, Nước cất hoặc nước đã được khử ion.	
67	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 8817-14:2011; ASTM D6937; AASHTO T59	Bình đong tiêu chuẩn, Cân, Bể ổn nhiệt.	
VIII BÊ TÔNG NHỰA				
68	Phương pháp xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011	Máy nén Marshall, bộ khuôn đúc, búa đầm, bệ đầm, bộ giá giữ khuôn, dụng cụ tháo mẫu, thiết bị trộn BTN, thiết bị gia nhiệt, bể ổn nhiệt, khay, bay trộn, thanh gạt, cân kỹ thuật, nhiệt kế, thước kẹp, bút đánh dấu mẫu	Võ Đình Tấn Nguyễn Văn Chính Nguyễn Văn Tường Vũ
69	Phương pháp xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy li tâm	TCVN 8860-2:2011	Máy quay ly tâm, giấy lọc, tủ sấy, bếp điện, lò nung, cân kỹ thuật, ống đong, cốc nung, bình hút ẩm và dụng cụ phụ trợ khác	
70	Phương pháp xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011	Bộ sàng tiêu chuẩn, cân kỹ thuật, tủ sấy, máy lắc sàng	
71	Xác định hàm lượng vật liệu nhỏ hơn 0,075 mm xác định bằng phương pháp rửa	AASHTO -T11:2000	Cân kỹ thuật 0.01g; ống đong 500ml; rây; bếp cát; tủ sấy; cân thủy tinh; phễu nhỏ; hộp nhôm có nắp	

72	Xác định hàm lượng sét cục và hạt mềm yếu	AASHTO -T112:2000	Cân kỹ thuật 0.01g; ống đong 500ml; rây; bếp cát; tủ sấy; cân thủy tinh; phễu nhỏ; hộp nhôm có nắp	
73	Phương pháp xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011	Bình đựng mẫu, cân kỹ thuật, máy hút chân không, bình lọc hơi nước, nhiệt kế, tủ sấy và các dụng cụ phụ trợ khác	
74	Phương pháp xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:2011	Cân kỹ thuật, cân thủy tinh, dây treo, giỏ đựng mẫu, tủ sấy, nhiệt kế	
75	Phương pháp xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:2011	Tủ sấy, rọ đựng mẫu, đĩa kim loại, cân kỹ thuật và dụng cụ phụ trợ khác	
76	Phương pháp xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011	Ống đong, phễu, tấm kính, khay, cân kỹ thuật, dao gạt	
77	Phương pháp xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011	Máy khoan lấy mẫu, cân, bộ chày cối đầm.	
78	Phương pháp xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011	Cân kỹ thuật, dây treo, giỏ đựng mẫu	
79	Phương pháp xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011	Cân kỹ thuật, dây treo, giỏ đựng mẫu	
80	Phương pháp xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011	Cân kỹ thuật, dây treo, giỏ đựng mẫu	
81	Phương pháp xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011	Máy nén Marshall, bộ khuôn đúc, búa đầm, bệ đầm, bộ giá giữ khuôn, dụng cụ tháo mẫu, thiết bị trộn BTN, thiết bị gia nhiệt, bể ổn nhiệt, khay, bay trộn, thanh gạt, cân kỹ thuật, nhiệt kế, thước kẹp, bút đánh dấu mẫu	
82	Xác định tỷ trọng khối khô, tỷ trọng khối của mẫu bão hòa, tỷ trọng biểu kiến, độ hấp thụ nước của cốt liệu mịn	AASHTO T84	Cân kỹ thuật, cân thủy tinh, dây treo, giỏ đựng mẫu, tủ sấy, nhiệt kế	
83	Xác định tỷ trọng khối khô, tỷ trọng khối của mẫu bão hòa, tỷ trọng biểu kiến, độ hấp thụ nước của cốt liệu lớn	AASHTO T85	Cân kỹ thuật, cân thủy tinh, dây treo, giỏ đựng mẫu, tủ sấy, nhiệt kế	
IX	THỦ CƠ LÝ VẬT LIỆU BỘT KHOÁNG TRONG B.T.N			
84	Thành phần hạt	TCVN12884-2 :2020	Bộ sàng bột khoáng, cân điện tử, bát xú, chày giã đầu bịt cao su, bình đựng nước, bình hút ẩm	Võ Đình Tấn

85	Khối lượng riêng của bột khoáng	TCVN8735:2012	Bình tỷ trọng, cân kỹ thuật, máy hút chân không, bình để rửa, nhiệt kế, tủ sấy, sàng bát sứ, bình hút ẩm, dầu hỏa	Nguyễn Văn Chính Nguyễn Văn Tường Vũ
86	Hệ số thích nước	TCVN12884-2 :2020	Cân kỹ thuật, tủ sấy, hộp nhôm	
87	Chỉ số dẻo	TCVN 4197-2012	Cân kỹ thuật, Bộ casagrande, bình hút ẩm	
X	NHỰA BITUM VÀ NHỰA ĐƯỜNG POLIME			
88	Xác định độ kim lún ở 25oC	TCVN 7495:2005, ASTM D5	Thiết bị xuyên kim, kim xuyên, cốc đựng mẫu, bể ổn nhiệt, bình chuyển tiếp, đồng hồ đo thời gian, nhiệt kế	Võ Đình Tấn Nguyễn Văn Chính Nguyễn Văn Tường Vũ
89	Xác định độ kéo dài ở 25oC	TCVN 7496:2005; ASTM D113	Khuôn, bể ổn nhiệt, thiết bị thử nghiệm, nhiệt kế	
90	Xác định nhiệt độ hóa mềm (Phương pháp vòng bi)	TCVN 7497:2005; ASTM D36	Vòng, tấm lót, bi, vòng dẫn hướng, khung treo	
91	Xác định điểm chớp cháy và điểm cháy bằng thiết bị thử cốc hồ Cleveland	TCVN 7498:2005; ASTM D92	Cốc thử, tấm gia nhiệt, đèn thí nghiệm, bếp và giá đỡ, nhiệt kế	
92	Xác định lượng tổn thất sau khi gia nhiệt	TCVN 7499:2005; ASTM D6	Tủ sấy, giá quay, nhiệt kế, cốc mẫu	
93	Xác định lượng hòa tan trong Trichloroethylene	TCVN 7500:2005; ASTM D2042	Cốc, lưới sợi thủy tinh, bình lọc, ống lọc, ống cao su, tủ sấy, hóa chất	
94	Xác định khối lượng riêng ở 25oC	TCVN 7501:2005; ASTM D70	Bình tỷ trọng kế, bình ổn nhiệt, nhiệt kế, nước cất	
95	Xác định độ dính bám đối với đá	TCVN 7504:2005	Dây buộc, bình thủy tinh, nước cất, bếp đun, nhiệt kế	
96	Xác định độ nhớt động học	TCVN 7502:2005; ASTM D2170-01a	Nhớt kế, Nhiệt kế, Bể ổn nhiệt, đồng hồ bấm giây, Dòng điện xoay chiều.	
97	Xác định hàm lượng Paraphin bằng PP chung cất	TCVN 7503:2005; DIN52015	Tủ sấy, Nhiệt kế, Bình chưng cất, Vòng kim loại bảo vệ, ống nghiệm, Bình Erlenmeyer, Bình lọc, Chai rửa thủy tinh, Bể làm lạnh, Phễu (trong bể làm lạnh), Cân, Đèn, Bình hút ẩm, Nồi sứ, Giấy lọc tròn.	
XI	THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG			
98	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:2022	Cân kỹ thuật, thước kẹp, bay chải trộn, bàn dần, khâu hình côn	Võ Đình Tấn Nguyễn Văn Chính

99	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2022	Cân kỹ thuật, bình đong bằng kim loại	Võ Văn Sơn
100	Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:2022	Cân kỹ thuật, thước kẹp, bay chải trộn, bàn dẫn, khâu hình côn	
101	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đông rắn	TCVN 3121-10:2022	Cân kỹ thuật, tủ sấy, thước kẹp, cân thủy tĩnh	
102	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-11:2022	Khuôn bằng kim loại, chày đầm mẫu, thùng bảo dưỡng mẫu, vải cotton, giấy lọc định tính, tấm kính, máy thử uốn và nén	
103	Xác định độ hút nước của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-18:2022	Cân kỹ thuật, tủ sấy, thùng ngâm mẫu	
XII	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH XÂY ĐẤT SÉT NUNG			
104	Xác định kích thước hình học và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1:2009	Thước đo	Võ Đình Tấn Nguyễn Văn Chinh Nguyễn Văn Tường Vũ
105	Xác định cường độ bền nén	TCVN 6355-2:2009	Máy thử nén	
106	Xác định cường độ bền uốn	TCVN 6355-3:2009	Máy thử uốn, thước đo, các miếng kính, bay chải	
107	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009	Tủ sấy, cân kỹ thuật, thùng ngâm mẫu	
108	Xác định khối lượng thể tích, khối lượng riêng	TCVN 6355-5:2009	Cân kỹ thuật, tủ sấy, thước đo, bình tỷ trọng	
109	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:2009	Thùng chứa mẫu, cân kỹ thuật	
XIII	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BÊ TÔNG			
110	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan; Xác định cường độ nén, độ rỗng, độ thấm nước; độ hút nước	TCVN 6477:2016 TCVN 6355 - 4 : 2009	Máy thử nén; Máy thử uốn, thước đo, các miếng kính, bay chải; Tủ sấy, cân kỹ thuật, thùng ngâm mẫu; Cân kỹ thuật, tủ sấy, thước đo, bình tỷ trọng; Thùng chứa mẫu, cân kỹ thuật	Võ Đình Tấn Nguyễn Văn Chinh Nguyễn Văn Tường Vũ
XIV	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN			
111	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan; Xác định cường độ nén, độ hút nước, xác định độ mài mòn	TCVN 6476:1999 TCVN 6355 - 4 : 2009 TCVN 6065 : 1995	Máy thử nén; Máy thử uốn, thước đo, các miếng kính, bay chải; Tủ sấy, cân kỹ thuật, thùng ngâm mẫu; Cân kỹ thuật, tủ sấy, thước đo, bình tỷ trọng; Thùng chứa mẫu, cân kỹ thuật; Máy mài mòn, máy cắt mẫu	Võ Đình Tấn Nguyễn Văn Chinh Nguyễn Văn Tường Vũ
XV	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH TERAZO			

112	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan; Xác định cường độ bền uốn; Xác định độ hút nước; Xác định độ mài mòn bề mặt	TCVN 7744:2013	Thước đo Máy thử nén; Máy thử uốn, thước đo, các miếng kính, bay chải; Tủ sấy, cân kỹ thuật, thùng ngâm mẫu; Cân kỹ thuật, tủ sấy, thước đo, bình tỷ trọng; Thùng chứa mẫu, cân kỹ thuật	Nguyễn Văn Tường Vũ Nguyễn Văn Chính Võ Văn Sơn
XVI	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BÊ TÔNG NHẹ – GẠCH BÊ TÔNG KHÍ CHUNG ẮP (AAC)			
113	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan, Xác định cường độ nén, khối lượng thể tích khô, độ ẩm.	TCVN 9030: 2017	Cân kỹ thuật, tủ sấy, máy nén, thước đo, hộp ngâm mẫu.	
XVII	THỬ NGHIỆM NƯỚC TRONG XÂY DỰNG			
114	Xác định độ PH	TCVN 6492:2011	Bình mẫu, Thiết bị đo nhiệt độ, Nhiệt kế, Bộ cảm biến nhiệt độ	Nguyễn Văn Chính Nguyễn Văn Tường Vũ Võ Đình Tấn
115	Màu sắc, mùi vị	TCVN 2653:78	Bình cầu đáy phẳng có nút mài, Bình thủy tinh, Kính đồng hồ.	
116	Hàm lượng clorua CL	TCVN 6194: 1996	Buret có dung tích lớn	
117	Hàm lượng SO4 2-	TCVN 6200: 1996	Phễu lọc thủy tinh xốp, Bình thủy tinh có vòi (Buchner),Cân phân tích,	
118	Hàm lượng muối hoà tan	TCVN 4560: 1988	Tủ sấy, Lò nung, Bình hút ẩm	
119	Hàm lượng cặn không tan	TCVN 4560: 1988	Tủ sấy, Lò nung, Bình hút ẩm	
120	Xác định hàm lượng chất rắn hòa tan, lơ lửng	TCVN 2540: 98		
121	Hàm lượng tạp chất hữu cơ	TCVN 6186: 1996; TCVN 4565: 1998	Nồi cách thủy, Ống nghiệm, Bình đong, Buret	
XVIII	THỬ NGHIỆM CẤP PHỐI ĐÁ DẪM VÀ CẤP PHỐI THIÊN NHIÊN GIA CÓ XI MĂNG			
122	Xác định cường độ chịu nén	TCVN 8858:2023 AASHTO T22	Máy nén, đầm	Võ Đình Tấn Hồ Văn Thanh Bình
123	Xác định cường độ kéo khi ép chẻ	TCVN 8858:2023 TCVN 8862:2011 AASHTO T22	Máy nén, tấm đệm	
XIX	CƠ LÝ BENTONITE			
124	Xác định khối lượng riêng; Độ nhớt; Hàm lượng cát; Độ pH, Lượng mất nước; Độ dày áo sét	TCVN 11893:2017S	Hộp cân, Quả cân, Thang chia độ, Bàu chứa bentonite, Nắp đậy	Võ Đình Tấn Hồ Văn Thanh Bình

XX	THỬ NGHIỆM TÁM NHỰA, ỚNG PVC; HDPE; PVC-U; PE; PP			
125	Độ bền chịu nén	TCVN 8699:11; TCVN7997:09	Hai tấm thép phẳng, tải trọng, máy nén.	Võ Đình Tấn Nguyễn Văn Chính Nguyễn Văn Tường Vũ
126	Độ bền thủy tĩnh; Độ bền ngắn hạn với áp suất bên trong	TCVN 6149:07	Đầu bịt, bể chứa nước, tủ sấy, giá đỡ, giá treo, thiết bị tạo áp suất, thiết bị đo áp suất, đo kích thước, đo nhiệt độ, đo thời gian	
127	Đường kính ngoài, đường kính trong trung binh; Bề dày trung bình	TCVN 6145:07; ISO 3126:05; ISO 1452:09	Thước đo, thước kẹp, thước panme	
128	Độ bền kéo ; Độ giãn dài tại thời điểm đứt	ASTM D638:02; TCVN 7434-1,2:04; ISO 13953:01; ISO 6259- 1,2:97; ASTM F 2634- 07 type B	Máy thử kéo, máy phay và máy cắt, khuôn cắt.	
129	Độ bền va đập	TCVN 6144:03	Máy thử va đập, cơ cấu thả, giá đỡ mẫu	
XXI	VẢI ĐỊA KỸ THUẬT - BÁC THẨM VÀ VỎ BỌC BÁC THẨM			
130	Xác định độ dày tiêu chuẩn	TCVN8220:13; 14TCN 92:96; ASTM D5199:12	Khuôn lấy mẫu, kích hoặc bàn ép, đế phẳng, đĩa ép, đồng hồ.	Võ Đình Tấn Nguyễn Văn Chính Nguyễn Văn Tường Vũ
131	Xác định khối lượng đơn vị diện tích	TCVN8221:13; 14TCN 93:96; ASTM D5261:10	Thước đo, cân.	
132	C.độ bền chịu kéo, độ giãn dài của vải địa kỹ thuật và bác thẩm	TCVN 8871-1:13; 14TCN 95:96; ASTM D 4595-11; ASTM D 4632:08	Máy kéo	
133	Xác định cường độ xé rách hình thang của vải địa kỹ thuật	TCVN 8871-2:11; ASTM D 4533-11	Máy kéo	
134	Xác định khả năng chống xuyên (CBR) của vải địa kỹ thuật	TCVN 8871-3:11; ASTM D 4833-91; BS 6906 P4:97	Máy kéo, mũi xuyên	
135	Xác định kích thước lỗ biểu kiến	TCVN 8871-6:11; ASTM D4751	Thiết bị lắc, rây, cân, hạt thủy tinh, bộ phận khử tích điện, khay.	
136	Xác định áp lực kháng bục	TCVN 8871-5:11; ASTM D4751	Máy bơm thủy lực, ngàm kẹp, thiết bị đo kích thước, thiết bị làm ẩm	
137	Xác định lực kháng xuyên thùng thanh	TCVN 8871-4:11; ASTM D4833	Máy kéo, mũi xuyên	
138	Sức chọc thủng bằng PP rơi côn	BS 6906 P6:97; TCVN 8484:2010	Ngàm kẹp mẫu, mặt bích dịch chuyển, côn thử và côn đo	
XXII	THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG			
139	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT)	TCVN 9352:12; ASTM D1586; AASHTO T206	Ớng mẫu SPT; tạ; đế nện; cân định hướng; máy đóng SPT (Máy khoan địa chất công trình	Võ Đình Tấn

140	Thí nghiệm xuyên động (DCP)	TCXD 9365:12; ASTM D1586; ASTM D6951:09; JIS 1219	Thiết bị chuyên DCP	Nguyễn Văn Chinh Nguyễn Văn Tường Vũ
141	Thí nghiệm cắt cánh hiện trường (FVT)	ASTM D257394	Thiết bị cắt cánh	
XXIII THỬ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG				
142	Đo dung trọng, độ ẩm của đất bằng PP dao dai	TCVN 12791 : 2020	Bộ dao vòng, cân, búa, bếp, cùn...	Võ Đình Tấn Nguyễn Văn Chinh Nguyễn Văn Tường Vũ
143	Độ ẩm; Khối lượng thể tích của đất trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát	22TCN346:2006; TCVN 8729:2012; AASHTO T191:2014	Bộ phễu rót cát; cát chuẩn; cân kỹ thuật; tủ sấy và các dụng cụ phụ trợ ...	
144	Độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:11	Thước đo 3m, nôm	
145	Xác định modul đàn hồi "E" nền đường bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:11	Xe ô tô chất tải; kit thủy lực; tấm ép cứng; đồng hồ đo biến dạng; giá đỡ; cần đo; cát chuẩn sạch.	
146	Xác định chỉ số CBR của nền đất và các lớp vật liệu rời làm móng đường -Phương pháp chỉ xuyên động	TCVN 10272:2014	Bộ dụng cụ chỉ xuyên động	
147	XĐ modul đàn hồi "E" chung của áo đường bằng cần Benkelman	TCVN 8867:11	Xe tiêu chuẩn; cần benkelmal; nhiệt kế; đồng hồ bấm giây và các dụng cụ phụ trợ	
148	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:11	Cân kỹ thuật; cát chuẩn; ống đồng; bàn xoa bàn chải sắt; thước lá; thiết bị chắn gió	
149	Sử dụng súng bột nẩy để xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 9334:12	Súng Bột nẩy	
150	Đo điện trở đất	TCVN 9385 : 2012	Thiết bị máy đo điện trở	

Công ty CP Tư vấn xây dựng và kiểm định Hải Vân Đà Nẵng chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác của thông tin đã công bố.

**ĐẠI DIỆN
TỔ CHỨC QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG
THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**



GIÁM ĐỐC
Trần Hữu Nho